TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN **SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE CORPORATION**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence-Freedom-Happiness**
Số/No: 45 /BSG-KTTK Giải trình BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2025 *Explanation of the consolidated FS of 4th quarter of 2025*	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026* *Ho Chi Minh City, Jan 29, 2026*

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước / *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM / *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn**
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : SAB
Security symbol : SAB
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TPHCM
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư 18/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2025 cụ thể như sau:
Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 96/2020/TT-BTC and Circular No. 18/2025/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation (SABECO) explained the consolidated financial statement of 4th quarter of 2025 as follows:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:
Consolidated income statement:

Đơn vị tính: VND/ *Unit: VND*

KHOẢN MỤC/ ITEMS	Quarter 4		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2025	2024		
A	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	6,972,989,928,134	9,048,632,840,427	-2,075,642,912,293	-23%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	136,438,233,828	116,121,473,511	20,316,760,317	17%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	6,836,551,694,306	8,932,511,366,916	-2,095,959,672,610	-23%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold and services provided	4,242,463,707,346	6,433,184,640,631	-2,190,720,933,285	-34%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross Profit	2,594,087,986,960	2,499,326,726,285	94,761,260,675	4%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	256,707,772,369	268,487,039,624	-11,779,267,255	-4%

7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	-1,785,166,234	-4,487,618,119	2,702,451,885	-60%
- Trong đó: Chi phí lãi vay/ Including: Interest expenses	7,381,678,847	4,881,451,450	2,500,227,397	51%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết/ Share of profits in associates and jointly controlled entities	130,379,884,424	130,073,647,925	306,236,499	0%
9. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	1,325,820,629,983	1,429,400,492,822	-103,579,862,839	-7%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	263,704,092,762	229,906,607,275	33,797,485,487	15%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	1,393,436,087,242	1,243,067,931,856	150,368,155,386	12%
12. Thu nhập khác/ Other income	7,020,911,523	15,921,152,086	-8,900,240,563	-56%
13. Chi phí khác/ Other expenses	27,989,842,553	19,852,335,352	8,137,507,201	41%
14. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	-20,968,931,030	-3,931,183,266	-17,037,747,764	433%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	1,372,467,156,212	1,239,136,748,590	133,330,407,622	11%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	317,557,614,028	314,714,975,240	2,842,638,788	1%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/ (benefit) – deferred	-64,179,016,536	-66,348,789,509	2,169,772,973	-3%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	1,119,088,558,720	990,770,562,859	128,317,995,861	13%

Doanh thu thuần thấp hơn cùng kỳ, phù hợp với sự sụt giảm sản lượng do cạnh tranh giai đoạn trước Tết gia tăng, tình trạng ngập lụt nghiêm trọng do nhiều cơn bão và thời điểm Tết khác nhau (Tết năm 2025 vào cuối tháng 1 trong khi Tết năm 2026 vào giữa tháng 2). Ngoài ra, kết quả cũng bị ảnh hưởng bởi tác động hợp nhất từ việc mua lại Tập đoàn Bia Bình Tây (trở thành công ty con thay vì là công ty liên kết như trong năm 2024). Tuy nhiên, lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế cao hơn năm trước, lần lượt nhờ vào giá malt gạo giảm, hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu được cải thiện và chi phí bán hàng giảm mặc dù chi phí quản lý doanh nghiệp tăng và doanh thu tài chính giảm.

Net sales were lower than the previous year, aligning with reduced volume driven by intensified pre-TET competition, severe flooding from multiple typhoons, and TET timing (late Jan 2025 vs. mid-Feb 2026). In addition, this was also impacted by the consolidation impact of the acquisition of Binh Tay Beer Group (a subsidiary versus an associate in 2024). However, both gross profit and profit after tax were higher than last year, respectively driven by lower malt and rice prices, improved material usage and decreased selling expenses despite the higher administrative (G&A) expenses and lower financial income.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2025 của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of the financial indicators on SABECO's consolidated financial statements of 4th quarter of 2025.

Trân trọng./.

Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:
- Như trên/ *As above;*
- Lưu: Văn thư/ *Save at the Office.*

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Tan Teck Chuan Lester